

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2026/HS-PT

Ngày: 16/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Thẩm phán: ông Huỳnh Châu Thạch, ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Trúc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 108/2026/TLPT-HS ngày 21 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo Vũ Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2026/HS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng.

- Bị cáo có kháng cáo: **Vũ Văn Đ**, sinh năm 2000 tại Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: thôn H, xã B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn D và bà Nguyễn Thị D1; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Trong vụ án còn có bị cáo Chamaléa T và các bị hại nhưng không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Phạm Trung H có diện tích đất 4.200m² thuộc thôn G L, xã B, tỉnh Lâm Đồng. Tháng 6/2022, ông H tiến hành tách thành 17 thửa và đầu tư xây dựng 17 căn nhà tiền chế có diện tích mỗi căn là 35m² có thiết kế, kết cấu giống nhau (khung sắt, nền gỗ, mái lợp ngói, tường ốp gỗ bên trong và ốp giả xi măng bên ngoài, trần nhà lát nhựa, có 01 phòng ngủ, 01 phòng bếp và 01 không gian

dùng để tiếp khách). Sau đó, ông H đã sang nhượng lại 17 căn nhà trên trên cho 15 người (có 02 người mua 02 căn nhà) gồm: Bà Nguyễn Thị Bích N – sinh năm 1994; Nơi cư trú: khu phố A, phường F, quận G, TP Hồ Chí Minh cũ – nay là K, khu phố A, phường A, TP . (mua 02 căn nhà); Bà Lê Thị T1 - sinh năm 1977; Nơi cư trú: 74/6/6 đường C, phường L, thành phố T, TP Hồ Chí Minh cũ – nay là 74/6/6 đường C, phường T, TP Hồ Chí Minh; bà Lê Chiêu K – sinh năm 1971; Nơi cư trú: 303 lô J, cư xá T, phường A, Quận B, Tp Hồ Chí Minh cũ – nay là phường B, TP Hồ Chí Minh; Bà Đậu Thị N1 – sinh năm 1971; Nơi cư trú: tổ D, khu phố H, TT C, huyện C, tỉnh Bình Phước cũ nay là tổ D, khu phố H, phường C, tỉnh Đồng Nai; Ông Thái Lập N2 – sinh năm 1976; Nơi cư trú: 3 đường Đ, phường D, quận C, TP Hồ Chí Minh cũ 3 đường Đ, Phường X, TP .; Bà Huỳnh Thanh T2 sinh năm 1978; Nơi cư trú: phường T, thành phố T, TP H là phường T, TP H; Bà Trần Thị L – sinh năm 1985; Nơi cư trú: phường L, thành phố T, TP Hồ Chí Minh cũ – nay là phường T, TP .; Bà Huỳnh Kim H1 sinh năm 1982; Nơi cư trú: phường P, thành phố T, TP Hồ Chí Minh cũ – nay là phường T, TP .; Bà Võ Thị Kim C – sinh năm 1985; Nơi cư trú: tổ D, khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước cũ – nay là tổ D, khu phố C, phường C, tỉnh Đồng Nai; Bà Nguyễn Ngọc Bích H2 - sinh năm 1988; Nơi cư trú: khu phố N, phường Đ, D, Bình Dương cũ nay là khu phố N, phường Đ, TP .; Bà Lê Thị H3 - sinh năm 1981; Nơi cư trú: phường L, Tp T, TP Hồ Chí Minh cũ phường T, TP Hồ Chí Minh; Bà Kiều Thị Kim H4 - sinh năm 1961; Nơi cư trú: khu phố B, phường P, TP Hồ Chí Minh cũ nay là khu phố B, phường P, TP Hồ Chí Minh. Các căn nhà còn lại của các ông Tạ Hùng C1; ông Phạm Nhân H5 và ông Đàm Quốc T3 mua 02 căn (không bị mất trộm tài sản). Sau khi bán, ông Phạm Trung H hợp tác với các chủ đất, trang bị thêm các đồ dụng sinh hoạt máy điều hòa, ti vi, tủ lạnh,... để kinh doanh H6 đặt tên là “Thị trấn H3” và thuê Vũ Văn Đ trông coi bảo vệ. Đến ngày 15/02/2025, do việc kinh doanh không hiệu quả nên ông H cho Đ nghỉ việc nhưng không thu hồi lại chìa khóa và không đổi mật khẩu các ổ khóa thẻ từ của các căn nhà homestay. Đ xin ở nhờ tại khu vực “Thị trấn Hoa” thì ông H đồng ý. Khi ở đây Đ phát hiện một số căn nhà bị mất trộm tài sản tivi, bình nóng lạnh nên báo cho ông H biết thì ông H nhờ Đ tháo dỡ, vận chuyển các tài sản trên đem về kho của ông H nên Đ rủ Chamaléa T cùng làm. Quá trình làm, T nảy sinh ý định lấy trộm các tài sản của các căn nhà trên (các cánh cửa, bồn cầu, khung cửa nhôm kính, lavabo,...) bán lấy tiền tiêu xài nên bàn bạc với Đ thì Đ đồng ý. Sau đó, T sử dụng tài khoản facebook “Luu Văn T4” đăng tin để bán những tài sản này. Đến ngày 16/3/2025 và ngày 28/3/2025, T4 liên hệ được với ông Trần Quý T5 (sinh năm: 1985; NTT: xã H, Tp B - nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) và ông Châu Vĩnh S (sinh năm 1985; chỗ ở: ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh) để bán các tài sản mà T4 và Đ dự định lấy trộm. T4 và Đ bàn bạc sẽ mở cửa trước một số căn nhà để khi người mua đến tháo dỡ cho nhanh,

còn những căn chưa mở cửa thì Đ sẽ cung cấp mật khẩu cửa nhà để Tâm tự mở cửa.

Trong thời gian từ ngày 19/3/2025 đến ngày 13/4/2025, Vũ Văn Đ đã thực hiện hành vi mở cửa và cung cấp mật khẩu cửa của các căn nhà H6 “Thị Trấn H3” tại thôn G L, xã B, tỉnh Lâm Đồng để Chamaléa T thực hiện hành vi lấy trộm tài sản bán cho ông Trần Quý T5 và ông Châu Vĩnh S lấy tiền chia nhau, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Vào ngày 19/3/2025, Đ mở cửa, cung cấp mật khẩu để Tâm trộm cắp 11 bộ cửa phòng ngủ thông phòng sinh hoạt chung và 11 bộ cửa phòng vệ sinh (mỗi nhà lấy mỗi loại 01 bộ) của 11 căn nhà của các bà N, T1, K, N1, T2, L, H1, C, H2, H3 và bà H4 bán cho ông Trần Quý T5 được tổng số tiền là 6.500.000 đồng. Số tiền bán được, T chia cho Đ 3.500.000 đồng bằng cách chuyển tiền vào tài khoản ví điện tử Momo của Đ (số H). Số tiền bán được cả hai tiêu xài cá nhân hết. Số tài sản trên ông T5 đã bán cho người khác không thu hồi được. (BL:128-133).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 2992/KL-HĐĐGTS ngày 01/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 11 bộ cửa phòng ngủ thông phòng sinh hoạt chung có trị giá 39.268.130 đồng và 11 bộ cửa phòng vệ sinh có trị giá 30.237.900 đồng. Tổng trị giá tài sản là 69.506.303 đồng (BL: 561-564).

Lần thứ 2: Ngày 25/3/2025, Đ mở cửa, cung cấp mật khẩu để Tâm lấy trộm 05 bộ cửa chính phòng ngủ, 05 cửa chính phòng ngủ; 05 bộ cửa phòng sinh hoạt chung. 05 cửa sổ phòng sinh hoạt chung, 05 cửa sổ phòng ngủ, 05 cửa sổ bếp loại cửa lùa (mỗi nhà lấy mỗi loại 01 bộ) của các nhà bà H1, bà C, bà H2, bà H3 và bà H4) bán cho ông Trần Quý T5 với tổng số tiền là 8.250.000 đồng. Ông T5 trả cho T 7.750.000 đồng (đã trừ đi số tiền T mượn là 500.000 đồng) qua tài khoản ví điện tử Momo số 0369610816 của T, sau đó, T chuyển vào tài khoản ví điện tử Momo của Đ (số H) số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền bán được cả hai tiêu xài cá nhân, tài sản không thu hồi được (BL: 147-216).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 2992/KL-HĐĐGTS ngày 01/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 05 bộ cửa chính phòng ngủ có trị giá là 55.462.500 đồng; 05 bộ cửa phòng sinh hoạt chung có trị giá là 26.775.000 đồng; 05 cửa sổ phòng sinh hoạt chung có trị giá là 19.218.500 đồng; 05 cửa sổ phòng ngủ có trị giá là 4.930.000 đồng; 05 cửa sổ bếp loại cửa lùa có trị giá 9.775.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 116.161.000 đồng (BL: 561-564).

Lần thứ 3: Ngày 29/3/2025, Đ mở cửa, cung cấp mật khẩu để Tâm lấy trộm 06 bộ cửa chính phòng ngủ, 06 cửa chính phòng sinh hoạt chung, 06 cửa sổ phòng sinh hoạt chung, 06 cửa sổ bếp loại cửa lùa, 06 cửa sổ phòng ngủ, 06

lavabo (mỗi nhà lấy mỗi loại 01 bộ) của các nhà bà N, bà T1, bà K, bà N1, bà T2 và bà L bán cho ông Châu Vĩnh S được tổng số tiền 12.600.000 đồng. Sau đó, T chuyển vào tài khoản ví điện tử Momo của Đ (số H) số tiền 6.300.000 triệu đồng. Số tiền bán được cả hai tiêu xài cá nhân hết, tài sản không thu hồi được (BL: 392-395).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 2992/KL-HĐĐGTS ngày 01/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 06 bộ cửa chính phòng ngủ có trị giá là 66.555.000 đồng; 06 cửa chính phòng sinh hoạt chung có trị giá là 32.130.000 đồng; 06 cửa sổ phòng sinh hoạt chung có trị giá là 23.062.200 đồng; 06 cửa sổ bếp loại cửa lùa có trị giá là 11.730.000 đồng; 06 lavabo có giá trị là 2.400.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp lần 3 là 141.793.200 đồng (BL: 561-564).

Lần thứ 4: Khoảng 11 giờ ngày 12/04/2025, Đ mở cửa, cung cấp mật khẩu để Tâm lấy trộm 10 bồn cầu, 05 bồn rửa chén và 05 Lavabo của nhà các bà N, bà T1, bà K, bà N1, bà T2, bà L, bà H1, bà C, bà H2, bà H3, bà H4 bán cho ông Trần Quý T5 được tổng số tiền 4.400.000đ. Ông T5 đã chuyển khoản trả cho T 2.400.000đ vào tài khoản ví Momo số 0369610816 của T (trừ đi 2.000.000 đồng Tâm mượn vào ngày 28/3/2025). Sau đó, T nói cho Đ biết việc đã ứng trước 2.000.000 đồng của ông T5, nên chỉ còn lại 2.400.000 đồng và cho T sử dụng để chuộc lại điện thoại thì Đ đồng ý. Đến ngày 13/5/2025, ông T5 đã giao nộp lại toàn bộ tài sản trong lần trộm cắp này (BL: 392-421).

Tại bản Kết luận định giá số 2992/KL-HĐĐGTS ngày 01/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 10 bồn cầu có trị giá là 16.500.000 đồng; 05 bồn rửa chén có trị giá là 4.000.000 đồng; 05 Lavabo có trị giá là 2.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản lần trộm cắp thứ 4 là 22.500.000 đồng (BL: 561-564):

Lần thứ 5: Sau lần trộm thứ 4, Đ nói T tìm người mua cửa của 4 căn nhà (của các anh N2, C1, H5, T3) và dặn T tắt camera an ninh trong vườn của gia đình anh Phạm Kim S1 (sinh năm 1965, NKTT: tô H, Phường A B, tỉnh Lâm Đồng) là hàng xóm ở cạnh khu homestay thì T đồng ý rồi gọi cho ông T5. Vào ngày 13/4/2025, khi T đang lấy trộm 01 bộ cửa chính phòng ngủ, 01 bộ cửa chính phòng sinh hoạt chung, 01 bộ cửa thông phòng ngủ và phòng sinh hoạt chung, 01 bộ cửa sổ phòng ngủ; 01 bộ cửa phòng vệ sinh trong căn nhà của ông T6 Lập Nghiệp để bán cho ông Trần Quý T5 thì ông Phạm Kim S1 phát hiện, báo Công an xã L (nay là Công an xã B, tỉnh Lâm Đồng) đến hiện trường, lập biên bản thu giữ được 06 bộ cửa đã tháo rời các bộ phận nêu trên (BL: 33-36).

Tại bản Kết luận định giá số 19/BB-HĐĐGTS ngày 23/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 (một) bộ cửa nhôm kính (bộ cửa chính phòng ngủ): chiều ngang 2,90 m, chiều cao 2,25 m, gồm 4 cánh

bằng nhau (02 cánh cố định, 02 cánh mở được, mỗi bên 2 cánh mở được có 03 bản lề, có 01 ổ khóa tay nắm), khung bao quanh bằng nhôm xingfa, Việt Nam, có độ dày 1,2 mm, phía trong khung có kính, độ dày 0,8 mm, kính thường; phía trên có bông gió rộng 32 cm x dài 2,90m, có giá trị là 8.780.379 đồng; 01 (một) bộ cửa nhôm kính (bộ cửa chính phòng sinh hoạt chung): chiều ngang 1,40m, chiều cao 2,25m, gồm 2 cánh bằng nhau (02 cánh mở được, mỗi cánh có 3 bản lề, 1 cánh có ổ khóa tay nắm), khung bao quanh bằng nhôm xingfa, Việt nam, độ dày 1,2mm, phía trong khung có kính, độ dày 0.8mm, kính thường; phía trên có bông gió, rộng 32 cm x 1,40m có giá trị là 4.238.803 đồng; 01 (một) bộ cửa nhôm kính (cửa thông phòng ngủ và phòng sinh hoạt chung): chiều ngang 83 cm, chiều cao 2,53m (cửa 01 cánh, có 03 bản lề, 01 ổ khóa tay nắm), khung bao xung quanh bằng nhôm xingfa, Việt Nam, độ dày 1,2 mm, phía bên trong có kính, độ dày 0,8 mm, kính thường có giá trị là 2.474.010 đồng; 01 (một) bộ cửa nhôm kính (cửa phòng vệ sinh): Chiều ngang 77cm, chiều cao 2,10m (cửa 01 cánh, có 03 bản lề, có 01 ổ khóa tay nắm), khung bao xung quanh bằng nhôm xingfa, Việt Nam, độ dày 1,2 mm, phía bên trong có kính, độ dày 0,8 mm, kính thường có giá trị là 1.904.988 đồng; 01 (một) bộ cửa nhôm kính (cửa sổ bếp): chiều ngang 2,30 m, chiều cao 50 cm (gồm 02 cánh lùa, mỗi cánh chiều ngang 1,15 m, chiều cao 42 cm, khung bao xung quanh bằng nhôm xingfa, Việt Nam, độ dày 1,2 mm, phía bên trong có kính, độ dày 0,8 mm, kính thường). Phần trong lắp 01 khung lưới chống muỗi, khung nhôm chiều ngang 2,25 m, chiều rộng 48cm, có giá trị là 2.010.267 đồng; 01 (một) bộ cửa nhôm kính (cửa sổ phòng ngủ): chiều ngang 1,16 chiều cao 50 cm, khung bao xung quanh bằng nhôm xingfa, Việt Nam, độ dày 1,2 mm, phía bên trong có kính, độ dày 0,8 mm, kính thường. Phần trong lắp 01 khung rèm chống muỗi, khung nhôm, chiều ngang 1,10m, rộng 46cm, có giá trị là 990.389 đồng. Tổng cộng 06 bộ cửa nhôm kính của gia đình ông T6 Lập Nghiệp có tổng trị giá là 20.398.836 đồng (BL: 272-273).

Như vậy, tổng cộng trị giá tài sản trong 05 lần Chamaléa T và Vũ Văn Đ đã trộm cắp là: 370.359.066 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu ba trăm năm chín nghìn không trăm sáu sáu đồng).

Vật chứng: Cơ quan CSĐT hiện đang tạm giữ các tài sản (có bản kê vật chứng chi tiết kèm theo); Đối với số tài sản mà T và Đ đã bán cho ông T5 với ông S1 vào các ngày 19/03/2025, 25/3/2025; 29/3/2025, do ông T5 và ông S1 đã bán lại cho những người khác không rõ nhân thân lai lịch nên không thu hồi được.

Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại các tài sản (có bảng kê chi tiết kèm theo) cho chủ sở hữu hợp pháp gồm: 01 (một) xe ô tô tải có mui, biển kiểm soát: 50H-105.44, cho ông Lưu Văn C2; 01 điện thoại di động

nhãn hiệu Realme10, màu ghi; 01 pin dùng cho máy khoan cầm tay, nhãn hiệu Mikita 20AH; 01 máy khoan điện cầm tay dùng bằng ăn, nhãn hiệu Hitachi; 01 máy khoan điện cầm tay dùng bằng pin, không nhãn 1 tệ; 01 máy cắt sắt dùng bằng pin, nhãn hiệu Starker; 01 pin dùng cho máy khoan cầm tay, nhãn hiệu Mulitan 21V cho ông Trần Quý T5; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen cho Nguyễn Thành H7; 01 xe Mô tô hai bánh, biển số: 49H1-580.67; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu IPHONE 11 Pro, màu xám đen, cho Vũ Văn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu đen cho Chamaléa Tâm (BL: 231-237; 244-252; 253; 255; 256).

Về dân sự: Bị hại trong vụ án yêu cầu các bị cáo Chamaléa T và Vũ Văn Đ bồi thường tiền, trả lại tài sản và sửa chữa lại căn nhà như sau: Bà Trần Thị L yêu cầu bồi thường 50.000.000 đồng; Huỳnh Thanh T2 yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng; Đậu Thị N1 yêu cầu bồi thường 40.000.000 đồng; Kiều Thị Kim H4 yêu cầu bồi thường 40.000.000 đồng; Lê Thị H3 yêu cầu bồi thường 80.000.000 đồng; Nguyễn Thị Bích N yêu cầu bồi thường 46.500.000 đồng, Huỳnh Kim H1 yêu cầu bồi thường 50.000.000đ; Riêng chị Lê Thị T1, Võ Thị Hồng C3, anh Thái Lập N2, Lê Chiêu K và chị Nguyễn Ngọc Bích H2 không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2026/HS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Chamaléa T, bị cáo Vũ Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Chamaléa T 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Ngày 13/02/2026, bị cáo Vũ Văn Đ có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt với lý do: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo

bồi thường thêm cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong đơn kháng cáo, bị cáo có đề cập nội dung bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa bị cáo không kháng cáo về phần bồi thường cho các bị hại mà chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng xử phạt bị cáo Vũ Văn Đ 07 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thêm cho các bị hại và các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo 06 tháng tù.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh cụ thể của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử. Có đủ căn cứ kết luận: Từ ngày 19/3/2025 đến ngày 13/4/2025, tại các căn nhà homestay Thị trấn H thuộc thôn G L, xã B, tỉnh Lâm Đồng bị cáo Chamaléa T cùng bị cáo Vũ Văn Đ đã bàn bạc, thống nhất 05 lần thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Bích N, Lê Thị T1, Lê Chiêu K, Đậu Thị N1, Thái L, Huỳnh Thanh T2, Trần Thùy L1, Huỳnh Kim H1, Võ Thị Kim C, Nguyễn Ngọc Bích H2, Lê Thị H3, Kiều Thị Kim H4 với tổng cộng 83 bộ cửa nhôm kính các loại, 10 bồn cầu, 11 lavabo, 05 bồn rửa chén. Sau đó, bán cho ông Trần Quý T5 và ông Châu Vĩnh S thu lợi bất chính được 31.750.000 đồng tiêu xài cá nhân. Bị cáo Chamaléa T và bị cáo Vũ Văn Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 370.359.066 đồng. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng xét xử bị cáo Vũ Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Văn Đ:

[3.1] Bị cáo kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” vì thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập hợp pháp, không

sống bằng việc phạm tội. Xét thấy, cấp sơ thẩm nhận định, đánh giá bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là có căn cứ vì trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi phạm tội và bị cáo lấy khoản lợi bất chính thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập, lấy đó là nguồn sống chính. Tuy nhiên, tình tiết *“phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”* vừa là tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, vừa là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự mà trong vụ án này bị cáo bị xét xử theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự (nặng hơn khoản 2). Điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: *“Trường hợp tình tiết định khung đồng thời là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự mà không cùng một khoản định khung của điều luật thì áp dụng tình tiết định khung cao nhất và các tình tiết còn lại không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự”*. Theo hướng dẫn trên thì không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo về nội dung này.

[3.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đ đã tự nguyện bồi thường thêm cho các bị hại Trần Thị L, Võ Thị Hồng C3, Lê Chiêu K, Huỳnh Thanh T2, Kiều Thị Kim H4, Lê Thị H3, Huỳnh Kim H1 số tiền 5.000.000 đồng và các bị hại đã làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đ nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn Đ, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2026/HS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn Đ phạm tội *“Trộm cắp tài sản”*.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về án phí phúc thẩm: bị cáo Vũ Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 30/2026/HS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/6/2026).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKSND khu vực 4- Lâm Đồng;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh LĐ;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THAHS tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Tổ HCTP – TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quản